

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2018

**PHỤ LỤC 01**

Căn cứ vào Hợp đồng số SGVO..... ký ngày ... / ... / 2019

Chúng tôi gồm:

**Bên sử dụng dịch vụ (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TÊ THIÊN KHUÊ**

Người đại diện:	<b>Ông NGÔ VĂN AN</b>		
Chức vụ:	Tổng Giám Đốc		
Địa chỉ:	357A/21A Nguyen Trọng Tuyen, Phuong 1, Quan Tan Binh, Thanh Pho Ho Chi Minh.		
Điện thoại:	0916760038	Email:	thammythienkhue@gmail.com
Mã số thuế:	0313593245		
Tài khoản VNĐ	Mở tại:		

**Bên cung cấp dịch vụ (Bên B): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT**

Người đại diện:	<b>Ông Phạm Văn Tuyên</b>		
Chức vụ:	Phó Giám Đốc Kinh Doanh Khu Vực Phía Nam		
Địa chỉ:	Lô L.29B-31B-33B đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM, VN		
Số điện thoại:	028 73002222	Số Fax:	028 73002233
Số tài khoản (VNĐ)	007 1000 898 982	Ngân hàng:	TMCP Ngoại thương VN- CN TPHCM
Mã số thuế	0305793402		

**Hai Bên cùng thoả thuận các điều khoản sau:**

**ĐIỀU 1: CUNG CẤP DỊCH VỤ THÔNG TIN- GIẢI TRÍ – THƯƠNG MẠI**

Bên B cung cấp dịch vụ Thông tin giải trí thương mại cho Bên A với nội dung sau:

STT	Số dịch vụ yêu cầu	Số đích	Địa chỉ đặt số đích/ server	Chuyển đổi theo thời gian, vùng	Nội dung dịch vụ
1	1900636049				Tư vấn, CSKH
2	1900636849				Tư vấn, CSKH

3	1900636748				Tư vấn, CSKH
4	1900636096				Tư vấn, CSKH

## ĐIỀU 2: CƯỚC PHÍ

### 2.1 Cước cài đặt dịch vụ:

Bên A phải chuyển cho Bên B chi phí khởi tạo dịch vụ trong một lần duy nhất như sau:

STT	Nội dung	Mức cước (VNĐ/số)
1	Cước cài đặt cho 4 số <b>1900</b>	<b>1.500.000</b>
2	Phí chọn đầu số theo yêu cầu	<b>0</b>
	Cộng	<b>1.500.000</b>
	VAT 10%	<b>150.000</b>
	Tổng cộng đã bao gồm VAT 10%	<b>1.650.000</b>

### 2.2 Cước quản lý dịch vụ

Hàng tháng, Bên A phải chuyển cho Bên B cước quản lý dịch vụ 1900 (cố định) như sau:

STT	Nội dung	Mức cước (VNĐ/1số/tháng)
1	Cước quản lý dịch vụ <b>1900</b>	<b>400.000</b>
	VAT 10%	<b>40.000</b>
	Tổng cộng	<b>440.000</b>

### 2.3 Cước phí phải trả của thuê bao gọi vào dịch vụ 1900

#### 2.3.1 Đơn giá

STT	Xuất phát cuộc gọi từ	Mức cước
1	Điện thoại cố định, vô tuyến nội thị, di động nội tỉnh, thuê bao di động trên toàn quốc (đồng/phút, có VAT)	<b>1.000</b>

#### 2.3.2 Phương thức tính cước: 1 phút + 1 phút

### 2.4 Phân chia phần doanh thu các cuộc gọi đến số dịch vụ 1900

Bên B chuyển trả cho Bên A một phần doanh thu các cuộc gọi đến số dịch vụ 1900 mà Bên B cung cấp cho Bên A theo tỷ lệ như sau:

#### 2.4.1 Đơn giá

STT	Xuất phát cuộc gọi từ	Tổng doanh thu hàng tháng (Chưa VAT)	Mức Chi Trả
1	Điện thoại cố định, vô tuyến nội thị, di động nội tỉnh, thuê bao di động trên toàn quốc (đồng/phút, có VAT)	Tổng Doanh Thu < 1 Triệu	<b>0%</b>
		Tổng Doanh Thu >= 1 Triệu	<b>26%</b>

#### 2.4.2 Phương thức tính cước: 1 phút + 1 phút

2.4.3 Bên A sẽ xuất cho bên B hóa đơn tài chính hợp lệ của phần doanh thu này sau không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ sau ngày cuối cùng của tháng phát sinh cước đã đối soát; hóa đơn sẽ phải gửi đến bên B trong vòng không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Bên B sẽ không chấp nhận thanh toán nếu Bên A vi phạm quy định này trừ khi Hai bên đạt được thỏa thuận khác.

**ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN THU HỒI DỊCH VỤ 1900**

Bên B có quyền thu hồi đầu số dịch vụ đã cấp cho Bên A nếu tổng cước phí phát sinh (Khoản 2.3) tính theo mỗi chu kỳ 6 (sáu) tháng liên tiếp không đạt được hơn 5,000,000 VNĐ/đầu số.

**ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

4.1 Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số SG..... đã ký ngày .../.../2018. Quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên được quy định trong hợp đồng số SG.....

4.2 Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau. Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**NGÔ VĂN AN**

**PHẠM VĂN TUYÊN**